

## BIỂU TƯỢNG CON NGHÊ TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM\*\*

*Tóm tắt:* Trong văn hóa truyền thống Việt Nam, bên cạnh con rồng còn có một linh thú hết sức nổi tiếng nhưng hiểu biết về nó vẫn rất mơ hồ, đó là con nghê. Khác với con rồng mang tính cung đình, con nghê là linh thú được sử dụng phổ biến cả trong văn hóa dân gian lẫn trong văn hóa cung đình. Điều này dẫn đến một câu hỏi, vậy con nghê là linh thú dân gian ảnh hưởng đến văn hóa cung đình hay ngược lại? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần phải truy nguyên nguồn gốc của con nghê. Tuy nhiên, việc này không hề dễ dàng, vì con nghê không phải là một con vật có thực như con rùa hay con hổ, cũng không phải là những linh thú ngoại nhập như con tỳ hưu hay con sư tử. Thậm chí, con nghê còn bị đánh đồng với con lân, con lân mã, con long mã và con ly. Những linh thú này tương đối phổ biến trong văn hóa Việt Nam nhưng lại khó nhận dạng vì sự hình thành của chúng khá phức tạp và thường bị lẫn lộn giữa loại này với loại khác. Sự phức tạp đó dẫn đến những cách gọi tên hỗn độn cho nhóm linh thú này. Bài viết tìm hiểu mối tương đồng và dị biệt giữa những linh thú này với con nghê trong văn hóa Việt Nam.

*Từ khóa:* Con nghê, linh thú, văn hóa Việt Nam.

### 1. Nguồn gốc và tên gọi

Trong số các linh thú có nguồn gốc Trung Hoa được nêu tên ở trên thì con lân là một con vật được biết đến nhiều nhất. Trong văn hóa Việt Nam có thể nhìn thấy con lân trong các hội múa lân (múa tứ linh). Con lân xuất hiện ở đình, chùa, đền, miếu và nhiều loại hình kiến trúc khác; được trang trí ở nhiều vị trí khác nhau với những chức năng khác nhau. Lân là tên gọi tắt của con kỳ lân có nguồn gốc từ văn hóa Trung Hoa với thành ngữ “lân, phượng, quy, long vị chi tứ linh”. Theo *Thuyết văn giải tự* của

---

\* TS., Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

\*\* Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong Đề tài mã số VIII1.3-2012.01.

Hứa Thận đời Hán, thì lân là tên gọi chung của cặp đôi kỳ lân, trong đó, kỳ là con đực, lân là con cái. Lân đực coi là loài thú nhân từ, là con vật chỉ điềm lành, cũng là con vật tượng trưng. Khi cặp đôi kỳ lân dung nhập vào văn hóa Việt Nam, người Việt chỉ tiếp nhận con lân mà quên đi con kỳ. Trong khi lân mã là một linh thú có sự kết hợp lân - ngựa, còn long mã là sự kết hợp rồng - ngựa thành một linh thú hư cấu nửa rồng nửa ngựa, thì ly lại là một cách gọi khác của lân thường được biết đến trong bộ tứ linh “long - ly - quy - phượng” ở Việt Nam<sup>1</sup>. Nói tóm lại, lân/ lân mã/ long mã/ ly là tên gọi khác nhau của con kỳ lân, một linh thú có nguồn gốc Trung Hoa du nhập vào Việt Nam và được trang trí trên các kiến trúc và nghệ thuật của người Việt. Trong khi đó, con nghê là linh thú tuy mang nhiều đặc tính bản địa, nhưng là một linh thú khó hiểu nhất trong văn hóa Việt Nam dù vai trò và vị trí của nó gần giống như con lân trong văn hóa Trung Hoa.

Nghê là một tên gọi thuần Việt, nhưng trong các từ điển sinh học không hề thấy tên của một loài động vật nào có tên gọi này (trong khi rùa, phượng, hổ, sư tử, ngựa, voi,... là những sinh vật có thực). Như vậy, có thể khẳng định, con nghê là một linh thú hư cấu được hình thành trong văn hóa truyền thống Việt Nam. Trong các hiện vật khảo cổ từ thế kỷ I đến thế kỷ IX được tìm thấy tại Việt Nam không có linh thú nào là con nghê. Từ đây, có thể suy đoán, con nghê là một linh thú được hình thành trong văn hóa Việt Nam, mang đặc tính bản địa, nhưng có một số đặc điểm chịu ảnh hưởng của văn hóa ngoại nhập, đặc biệt là văn hóa Hán. Rất có thể, biểu tượng con nghê liên quan đến con lân/ con lân mã/ con long mã/ con ly được hình thành trong văn hóa Việt Nam từ giai đoạn thuộc Hán. Khi nhà Lý xây dựng nền độc lập của quốc gia Đại Việt thì biểu tượng con nghê được định hình ở các công trình kiến trúc nghệ thuật thời kỳ này<sup>2</sup>. Điều đó dễ hiểu vì sau nghìn năm Bắc thuộc, nhiều thành tố văn hóa Trung Hoa đã thâm nhập và hòa đồng với văn hóa của người Việt. Biểu tượng con nghê chỉ là một trong vô số thành tố văn hóa mà người Việt đã học hỏi, thêm bớt từ văn hóa Trung Hoa để biến thành sản phẩm văn hóa của riêng mình.

Nhưng nếu như con nghê có ảnh hưởng từ loại linh thú tương tự trong văn hóa Trung Hoa, vậy tại sao nó được gọi là nghê mà không phải là lân/ lân mã/ long mã/ ly? Trả lời câu hỏi này là một công việc “mò kim đáy bể”. Tuy nhiên, chúng tôi thử đưa ra một cách lý giải về tên gọi này như sau: Xét trong số các con của rồng theo truyền thuyết “long sinh cửu

tử” của Trung Hoa du nhập vào văn hóa Việt Nam có toan nghệ là linh thú có nhiều đặc tính giống con nghệ nhất như thân thú, có bờm. Rất có thể toan nghệ<sup>3</sup> từ văn hóa Trung Hoa thông qua một tên gọi Hán-Việt có chữ nghệ được Việt hóa thành con nghệ của người Việt<sup>4</sup>. “Bản thân chữ nghệ trong tiếng Hán gồm bộ cầu (chó) và chữ nhi (trẻ con) hợp thành”<sup>5</sup>.

Ngoài ra, chúng ta cần tìm hiểu thêm về sự ảnh hưởng của biểu tượng con sư tử trong nghệ thuật Phật giáo đến biểu tượng con nghệ trong văn hóa Việt Nam, vì con sư tử (Simhamukha) là một linh thú quan trọng trong văn hóa Ấn Độ. Con sư tử được cho là linh thú có sức mạnh siêu việt trong văn hóa Ấn Độ, nên nó được sử dụng khá phổ biến từ thời vua A Dục (Asoka) đặt trên đỉnh các cột kinh, thường gọi là cột đá Asoka<sup>6</sup> từ giai đoạn hưng thịnh của vương triều Maurya tại Ấn Độ tạo nên một biểu tượng linh thiêng của Phật giáo và văn hóa Ấn Độ. Tuy nhiên, con sư tử không phải là loài vật phổ biến ở Trung Hoa, Việt Nam và các quốc gia ở Đông Nam Á, nên trong nghệ thuật tạo hình người Việt trước khi Phật giáo du nhập vào hoàn toàn không có biểu tượng con sư tử. Phải chăng do không có nguyên mẫu con sư tử ở Đại Việt, nên các nghệ nhân đã sáng tạo nên một loại linh thú ngộ nghệ mang đặc tính dân gian, từ đó xuất hiện tên gọi nghệ? Đây chỉ là một vài giả thuyết mang tính gợi mở dưới góc độ văn hóa dân gian và nghệ thuật tạo hình. Vấn đề này cần được tìm hiểu thêm bằng các phương pháp tiếp cận từ các chuyên ngành khác.

## **2. Những biểu hiện của con nghệ trong nghệ thuật tạo hình người Việt**

Khác với con rồng là linh thú có vô số huyền thoại liên quan đến lịch sử hình thành dân tộc hoặc các bậc đế vương, con nghệ là một linh thú hết sức giản dị tồn tại trong văn hóa đại chúng. Vì vậy, khi tìm hiểu về biểu tượng con nghệ, chúng tôi không phân tích bằng các huyền thoại như đối với con rồng, mà trên cơ sở đặc thù văn hóa dân gian Việt Nam, đặc biệt là nghệ thuật tạo hình của người Việt.

Xét về mặt tạo hình, con nghệ có bốn chân, “có kỳ mà không có sừng, mình thon nhỏ, dáng thanh, trông rõ ràng đáng chó chứ không tròn mập như dáng như sư tử”<sup>7</sup>. Do là một linh thú hư cấu nên nó không có hình dáng cố định như con hổ hay con sư tử, mà luôn có sự biến đổi. Chúng tôi chưa tìm thấy bất cứ một quy định nào của triều đình phong kiến Việt Nam về thể thức tạo hình con nghệ (giống như quy định về thể thức tạo hình của triều đình phong kiến Trung Hoa đối với các linh thú có tính

cung đình). Vì vậy, con nghê có thể là một linh thú được hình thành trên nền tảng văn hóa dân gian Việt Nam với các đặc trưng văn hóa bản địa có sự kết hợp với các biểu tượng được du nhập từ Trung Hoa và Ấn Độ. Tuy nhiên, do được hình thành trong văn hóa dân gian Việt Nam, nên biểu tượng con nghê mang đặc trưng văn hóa của người Việt. Chính yếu tố này đã tạo nên một biểu tượng văn hóa mới của người Việt khác người Hoa và người Ấn.

Nếu không phải là một con vật có thật trong tự nhiên, cũng không phải là một linh thú hoàn toàn nhập ngoại, vậy con nghê được kết hợp bởi đặc điểm của những con vật nào? Theo chúng tôi, trong văn hóa dân gian Việt Nam có một loài vật được thiêng hóa từ lâu đời là con chó. Con chó được tạc thành tượng đặt ở cửa cổng của nhiều công trình kiến trúc. Thậm chí, một số nơi còn lập miếu thờ chó. Phải chăng, biểu tượng chó đá của người Việt đã kết hợp với biểu tượng toan nghê để biến thành con nghê trong nghệ thuật tạo hình dân gian người Việt?

Đây là một câu hỏi không dễ trả lời. Về vấn đề này, chúng tôi xin đưa ra một cách lý giải riêng như sau: Biểu tượng con chó trong nghệ thuật dân gian người Việt vốn giản dị và có phần thấp kém<sup>8</sup> hơn về địa vị nếu so sánh với các linh thú khác như con kỳ lân, con rồng,... Khi văn hóa Khổng giáo từ Trung Hoa ảnh hưởng đến văn hóa Việt Nam thì con vật canh cửa giản dị đó cần được nâng cấp cho tương xứng với vai trò và vị trí mới. Rất có thể các nghệ nhân dân gian xưa đã thêm vào nhiều đặc tính mới từ con lân/ con lân mã/ con long mã/ con ly để “sang hóa” linh thú canh cửa của mình. Khi định hình trong văn hóa Việt Nam, con nghê được lấy thêm nhiều đặc điểm của các linh thú khác như con hổ, con sư tử, con rồng, con lân, thậm chí là con khỉ, tương ứng với những dáng thế khác nhau tùy thuộc vào vai trò và vị trí của mỗi biểu tượng. Tuy nhiên, đặc tính của con vật canh cửa vẫn là một đặc điểm nổi trội nhất của con nghê. Có lẽ vì vậy mà từ “châu” trong thành ngữ “phượng múa, nghê châu” trở thành một đặc tính quan trọng để nhận dạng con nghê trong văn hóa Việt Nam. Đây là cách thức để có thể phân biệt con nghê trong nghệ thuật tạo hình dân gian người Việt với các linh thú ngoại nhập như con sư tử từ văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ hiện hữu trong văn hóa Việt Nam.

Nói tóm lại, cho dù được hình thành từ những loài vật nào thì chúng ta vẫn có thể khẳng định, đặc tính dân gian của con nghê đã biến nó thành một đối tượng có tính hư cấu cao trong nghệ thuật tạo hình người Việt. Có

lẽ vì vậy mà con nghê trở thành một linh thú giàu ngôn ngữ biểu tượng trong nghệ thuật tạo hình dân gian, bên cạnh con rồng là một linh thú được thể thức hóa từ văn hóa cung đình. Điều đó là do sự kết hợp đặc tính của con vật hư cấu cộng thêm tính dân gian của biểu tượng con nghê khiến cho nghệ nhân dân gian có thể phát huy được tối đa khả năng sáng tạo của mình. Sức sáng tạo đó góp phần đưa biểu tượng con nghê lên tầm của một linh thú biểu tượng đặc sắc mang tâm hồn và bản sắc Việt Nam. Đây là một trong những thành tố văn hóa tiêu biểu nhất của nền văn hóa Việt Nam được sáng tạo bởi nghệ nhân dân gian trong lịch sử văn hóa Việt Nam.

Mặc dù có sự ảnh hưởng của các linh thú ngoại nhập từ Trung Hoa và Ấn Độ, nhưng có thể khẳng định, con nghê là một linh thú có tên gọi thuần Việt và có nhiều nét văn hóa bản địa đặc trưng. Sự hình thành biểu tượng con nghê trong văn hóa Việt Nam là một sáng tạo tuyệt vời của cha ông ta trong việc tiếp thu và biến đổi các yếu tố văn hóa ngoại nhập trên cơ tầng văn hóa bản địa để hình thành nên những thành tố văn hóa của riêng mình. Điều này góp phần tạo nên những nét đặc trưng trong văn hóa Việt Nam. Đó là một nét bản sắc văn hóa người Việt khác người Hoa và người Ấn. Hơn thế, biểu tượng con nghê không hình thành từ những huyền thoại, mà ra đời và phát triển thông qua quá trình lao động, chế tác của các nghệ nhân. Vì lý do đó mà biểu tượng con nghê trở nên gần gũi mà sống động với vô vàn hình dáng và kiểu thức khác nhau khiến cho ngôn ngữ tạo hình của linh thú này trở nên hết sức phong phú và đa dạng. Sự đa dạng của biểu tượng con nghê trong văn hóa Việt Nam rộng tới mức chúng ta không thể không làm công việc phân loại, nếu không sẽ khó có thể gọi đúng tên linh thú này.

### **3. Phân loại biểu tượng con nghê trong văn hóa Việt Nam**

Với những biểu hiện vô cùng phong phú trong nghệ thuật tạo hình người Việt, việc phân loại biểu tượng con nghê là một công việc không hề dễ dàng. Do không có các huyền thoại đi kèm như con rồng hay con kỳ lân, nên việc phân loại con nghê theo nguồn gốc (tên gọi, huyền thoại) là bất khả thi. Vì vậy, chúng ta chỉ có thể phân loại linh thú này dựa trên các tiêu chí phân loại: hình thức biểu hiện, vị trí đặt, chức năng sử dụng, giai đoạn lịch sử, khu vực địa lý.

- Phân loại con nghê theo hình thức biểu hiện: Đây là cách phân loại đơn giản nhất, vì chúng ta có thể dựa vào quan sát và xếp loại các biểu tượng con nghê cho phù hợp với hình thức biểu hiện của chúng. Chẳng

hạn, con nghệ có sừng hay không có sừng, có bờm và không có bờm, có vảy hoặc có lông xoắn, có móng guốc và có vuốt, v.v... Thậm chí, chúng ta có thể phân loại con nghệ theo hình dáng tổng thể như dáng con chó hay dáng con sư tử. Mặc dù đơn giản và tiện lợi như vậy, nhưng với hình thức biểu hiện đa dạng, chúng ta không thể phân con nghệ làm quá nhiều loại khác nhau dựa vào biểu hiện bên ngoài của chúng. Vì vậy, cách phân loại theo vị trí sẽ giúp chúng ta dễ xác định được đâu là con nghệ, đâu là những linh thú khác.

- Phân loại con nghệ theo vị trí đặt: Dựa vào các đặc tính định hình trong văn hóa Việt Nam như “phượng múa, nghệ châu”, chúng ta có thể xác định được vị trí của con nghệ ở những nơi canh cổng cửa, hầu hạ. Theo *Từ điển tiếng Việt*, “châu” là động từ có nghĩa “hầu trong cung đình để chờ nghe lệnh vua, chúa”; ngoài ra còn có các từ liên quan như “châu chực” là “1. Ở bên cạnh để chờ đợi sự sai khiến; 2. Chờ đợi mất nhiều thời giờ để đạt một yêu cầu gì”<sup>9</sup>. Như vậy, vị trí ngồi châu của con nghệ đã xác định rõ vị trí “kẻ hầu người hạ” của nó trong văn hóa truyền thống Việt Nam. Khi văn hóa Trung Hoa tác động mạnh mẽ vào văn hóa dân gian người Việt, vị trí này có biến đổi chút ít, nhưng vẫn chủ yếu là “châu.” Con nghệ có thể châu ở hai bên trụ cổng, châu ở tả vu hữu vu các ngôi đình, ở dưới cánh cửa trong vai trò con cộ/ cộ cửa, v.v... Nhưng đôi khi, chúng ta thấy con nghệ ngồi trên mái, trên bệ uy nghi như con sư tử. Để phân biệt được con nghệ hay con sư tử khi chúng ngồi nhằm vị trí, chúng ta cần xét đến chức năng của các linh thú này.

- Phân loại con nghệ theo chức năng sử dụng: Trong văn hóa Ấn Độ, con sư tử là linh thú đại diện cho sức mạnh tự nhiên có mặt trong huyền thoại và biểu hiện của nghệ thuật tạo hình Hindu từ hàng nghìn năm trước khi được vua Asoka (triều Maurya) đưa vào làm biểu tượng trọng tâm của cột kinh. Khi Phật giáo truyền bá sang Trung Hoa, con sư tử trở thành một biểu tượng sức mạnh trong Phật giáo Trung Hoa bên cạnh vai trò là một con vật bảo vệ trong nghệ thuật lăng mộ Trung Hoa. Sự uy nghi và nạt nộ là nét đặc trưng của con sư tử trong văn hóa Trung Hoa thể hiện sức mạnh của nó. “Ở thời điểm hoàng kim nhất của Phật giáo Trung Hoa, những tượng sư tử đá to lớn không phải ở các chùa chiền, đền tháp mà chủ yếu ở các lăng mộ hoàng gia. Theo thống kê của Li Zhigang (2011) trong cuốn *Nghệ thuật điêu khắc sư tử đá Trung Hoa* (中华石狮雕刻艺术, 百花文艺出版社), tại 21 lăng miếu hoàng gia từ thời Sơ Đường cho đến Văn Đường còn lưu giữ đến nay có tổng cộng

76 bức tượng sư tử đá”<sup>10</sup>. Trong khi đó, biểu tượng con nghê hầu như chỉ mang chức năng trang trí và không có “hình thức dữ dằn, gân guốc với dáng vẻ đe dọa”<sup>11</sup>. Những con nghê châu vào nhau không có vẻ quyền uy, dọa nạt, mà thân thiện, gần gũi đúng như chức năng trông nhà và hầu chủ của con chó. Đây là lý do để các nhà nghiên cứu Việt Nam đặt mối liên hệ giữa con nghê và con chó dựa trên chức năng căn bản của chúng hơn là ảnh hưởng từ một linh thú ngoại nhập như con sư tử.

- Phân loại con nghê theo giai đoạn lịch sử: Đây là một trong những cách phân loại phổ biến trong nghệ thuật tạo hình Việt Nam dựa theo lịch đại: thời Lý, thời Trần, thời Lê, thời Nguyễn,... Cách phân loại này được sử dụng khá triệt để đối với con rồng. Tuy nhiên, với biểu tượng con nghê thì cách phân loại này dễ dẫn đến những nhầm lẫn. Do con nghê là một linh thú mang đặc tính dân gian, nên tính thống nhất về mặt tạo hình của mỗi thời kỳ (Lý, Trần, Lê, Nguyễn) không cao như với biểu tượng con rồng, chưa kể đến sự ngẫu hứng trong sáng tạo của nghệ nhân dân gian. Không chịu sự ràng buộc nào về mặt thể thức tạo hình từ triều đình (hoặc một thể chế tương tự), nên họ hoàn toàn tự do sáng tạo các hình mẫu con nghê tùy thuộc vào cảm hứng nghệ thuật. Đây là một trong những đặc điểm sáng tạo của người Việt. Để tránh sự áp đặt về thể thức tạo hình biểu tượng con nghê qua các giai đoạn lịch sử, chúng ta cần có thêm một cách phân loại đồng đại và dựa vào không gian nơi nó được chế tác: làng nghề.

- Phân loại con nghê theo khu vực địa lý: Một trong những đặc trưng của các tác phẩm nghệ thuật dân gian người Việt là chúng mang dấu ấn làng nghề: nơi chế tác. Chúng ta thường nghe đến nghề đúc đồng Ngũ Xã (Hà Nội), nghề chạm bạc Đồng Xâm (Thái Bình), nghề tạc tượng gỗ Sơn Đồng (Hà Nội), nghề làm gốm Bát Tràng (Hà Nội), v.v... Những địa danh gắn với nghề truyền thống nêu trên là thương hiệu của sản phẩm, cũng là một cách phân loại tự nhiên theo khu vực địa lý. Biểu tượng con nghê được chế tác tại làng nghề này sẽ không giống biểu tượng con nghê của làng nghề khác. Mục đích chế tác, cách sử dụng nguyên liệu, cách tạo mẫu, thậm chí cách sử dụng công cụ lao động khác nhau là những nét riêng biệt trong nghệ thuật chế tác biểu tượng con nghê ở mỗi làng nghề. Vì vậy, chúng ta có thể phân loại biểu tượng con nghê Bát Tràng, con nghê Bình Dương, con nghê Phù Lãng,... khác nhau như thế nào. Cách

phân loại này nếu được kết hợp với chất liệu tạo tác sẽ cho một cái nhìn cụ thể nhất đối với biểu tượng con nghê trong văn hóa Việt Nam.

Trên đây là một số cách phân loại biểu tượng con nghê trong văn hóa Việt Nam được áp dụng trong nghiên cứu này. Tuy nhiên, trên thực tế, chúng ta vẫn cần thêm những cách phân loại khác để đạt tới mục tiêu cuối cùng là xác định rõ ràng nhất, cụ thể nhất đối với biểu tượng con nghê. Chẳng hạn, một con nghê đất nung thời Lê sản xuất ở Bát Tràng có đặc trưng lông xoắn và đặt ở ban thờ là những tiêu chí cần tìm. Nhưng vì biểu hiện của con nghê vô cùng phong phú và đa dạng nên rất khó để chúng ta có thể hội đủ thông tin trong mỗi hiện vật. Vì vậy, mỗi cách phân loại nêu trên có thể đáp ứng được một tiêu chí mà chúng ta mong muốn. Để đạt được đủ các tiêu chí trong việc xác định biểu tượng con nghê trong văn hóa dân gian Việt Nam, chúng ta cần kết hợp nhiều cách phân loại với nhau. Vì vậy, việc phân loại càng kỹ lưỡng càng giúp chúng ta xác định được giá trị đặc sắc của con nghê trong văn hóa Việt Nam.

#### **4. Giá trị của biểu tượng con nghê trong văn hóa Việt Nam**

Năm 2003, khi Đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 22 (SEA games 22) lần đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam, các quan chức cao cấp ngành thể thao nước ta đã phải mất ăn mất ngủ nhiều tháng vì không tìm được linh thú biểu tượng của Việt Nam cho sự kiện này. Cuối cùng, ban tổ chức đã chọn con trâu vàng làm linh thú biểu tượng cho SEA games 22. Sự kiện đó qua đi, nhưng nhiều người vẫn không hài lòng với việc chọn đầu trâu làm logo in trên các sản phẩm đại diện cho quốc gia, vì trong văn hóa Việt Nam, thành ngữ “đầu trâu, mặt ngựa” chỉ những kẻ đầu trộm, đuôi cướp. Thiết nghĩ, nếu ban tổ chức lập một hội đồng tư vấn có các chuyên gia nghiên cứu về lịch sử, văn hóa, xã hội và nghệ thuật thì việc chọn lựa linh thú biểu tượng sẽ dễ dàng hơn và không xảy ra vấn đề đáng tiếc. Theo chúng tôi, nếu một sự kiện tương tự trong tương lai được tổ chức ở Việt Nam và chúng ta cần chọn một linh thú biểu tượng của Việt Nam thì con nghê hoàn toàn có thể là một ứng viên phù hợp với các tiêu chí đặt ra, tương tự như các biểu tượng con gà trống Gaulois của Pháp, con sư tử của Anh hay con tê tê Fuelco của Brazil, v.v... Các tiêu chí quan trọng nhất cần đặt ra như lịch sử, văn hóa, nghệ thuật gắn với giá trị đặc sắc nhất của linh thú đều có thể tìm thấy qua biểu tượng con nghê trong văn hóa Việt Nam.



- *Về giá trị lịch sử*: Chúng ta thường nghe nói tới giao long, thường luồng, chim lạc<sup>12</sup>, hay một linh thú có sừng (như di vết ở hang Đồng Nội) là những linh thú truyền thống của người Việt từ thời Đông Sơn, thậm chí là vật tổ của người Việt từ thời tiền sử. Những linh thú này được nhiều nhà nghiên cứu coi như những biểu tượng đặc trưng của nền văn minh Việt trước giai đoạn thuộc Hán vẫn tồn tại đến ngày hôm nay mà chưa bị người Hán đồng hóa. Những di vật nói trên, mặc dù vô cùng quý giá (được bảo quản cẩn thận trong bảo tàng, được công nhận là bảo vật quốc gia), nhưng chúng là những hiện vật chết. Trên thực tế, chúng chỉ là các hiện vật khảo cổ được phát hiện trong không gian cư trú của người Việt Nam hiện nay. Còn chúng đóng vai trò gì và được sử dụng như thế nào trong đời sống văn hóa của người Việt cổ là vấn đề đang được tìm hiểu. Trong cuộc sống hiện nay, chúng đã không còn tồn tại<sup>13</sup>.

Trong khi đó, một linh thú tồn tại liên tục trong suốt dòng chảy văn hóa Việt hàng nghìn năm qua là con nghê lại hầu như không được nghiên cứu tới. Con nghê hiện hữu trên các kiến trúc cung đình thời Lý và thời Trần, trên đình chùa thời Lê, trên ban thờ tư gia của nhiều gia đình người Việt trong giai đoạn hiện nay. Điều đó cho thấy, con nghê là một hiện vật sống trong đời sống tinh thần của người Việt. Tìm hiểu sự tồn tại và phát triển của biểu tượng con nghê qua mỗi thời kỳ lịch sử sẽ cho chúng ta một góc nhìn mới đối với kinh tế, xã hội, văn hóa và nghệ thuật các giai đoạn lịch sử đó. Công việc này được các nhà nghiên cứu thực hiện khá thành công đối với biểu tượng con rồng trong văn hóa Việt Nam từ thời Lý đến thời Nguyễn<sup>14</sup>. Không hiểu sao cách làm này không được áp dụng đối với con nghê? Phải chăng con nghê không phải là một linh thú cung đình nên không được triều đình quan tâm? Phải chăng con nghê là con vật thấp kém nên không đáng để tìm hiểu? Với các câu hỏi này, chúng ta cần hướng sự chú ý tới các giá trị văn hóa của biểu tượng con nghê.

- *Về giá trị văn hóa*: Con nghê được coi như một linh thú tiêu biểu cho tính thuần Việt và mang bản sắc văn hóa Việt Nam. Nhưng tài liệu thành văn của Đại Việt - Việt Nam hầu như không đề cập đến linh thú này. Trong khi đó, biểu tượng xi vẫn, một linh thú thuộc chín con của rồng có nguồn gốc Trung Hoa, lại được đưa vào những áng thơ văn kinh điển, chẳng hạn: “鷓鴣 吻 倒 眠 方 鏡 冷 / 塔 光 雙 峙 玉 尖 寒”(Xi vẫn đảo miên phương kính lãnh/ Tháp quang song trĩ ngọc tiêm hàn: Hình xi vẫn

ngủ ngược trên gương nước lạnh/ Đôi bóng tháp thon vút như ngón tay ngọc giá băng)<sup>15</sup>.

Điều đó cho thấy, quan điểm “nhất bên trọng, nhất bên khinh” của quan lại và các trí giả Nho học xưa đối với các biểu tượng cung đình và bình dân. Nhưng dường như sự thiếu quan tâm đó lại giúp cho biểu tượng con nghê của Đại Việt phát triển một cách tự do trong vô vàn sự ràng buộc khắt khe của thể chế phong kiến suốt hàng nghìn năm qua với các biểu tượng văn hóa. Biểu tượng con nghê có mặt hầu khắp mọi nơi, mọi đối tượng, từ thành thị đến nông thôn, từ người sang đến kẻ hèn, từ bậc thức giả đến người không biết chữ... Con nghê với vai trò người hầu kẻ hạ đi vào đời sống một cách hết sức tự nhiên như chính tâm hồn của người Việt và văn hóa người Việt.

Sự thắm nhuần đặc tính dân gian khiến cho con nghê trở nên một con vật gần gũi, thân thương hơn là một linh thú đáng sợ hãi, nể trọng và tôn thờ. Đặc tính này đi thẳng vào lòng mọi tầng lớp người trong xã hội Việt Nam như tình cảm đối với mái đình, cây đa, bến nước hay “canh rau muống, cà dầm tương”. Có lẽ đặc tính văn hóa này của người Việt đã ngấm vào trong dòng suy nghĩ của các nghệ nhân dân gian, những người nghệ sĩ sáng tạo nên biểu tượng con nghê, để rồi chúng lại được tái hiện ở mọi lúc, mọi nơi thông qua đôi bàn tay tài hoa của họ bằng những kiệt tác của nghệ thuật tạo hình dân gian trong suốt hàng nghìn năm qua.

- *Về giá trị nghệ thuật*: Khi nói đến nghệ thuật thì tự do là một trong những yếu tố quan trọng nhất. Điều này không chỉ đúng với nghệ thuật ngày nay, mà còn đúng với nghệ thuật dân gian ngày xưa. Đơn cử con rồng, ở thời Lý, ngay sau nghìn năm Bắc thuộc, người dân Đại Việt được hưởng tự do, độc lập. Trong bối cảnh đó, con rồng thời Lý ra đời và khẳng định được giá trị nghệ thuật vượt lên mọi đồ án con rồng khác, trở thành kiệt tác nghệ thuật Đại Việt. Nhưng đến giai đoạn cuối nhà Nguyễn bị áp chế mọi bề của triều đình nhà Thanh, con rồng thời kỳ này trở nên gò ép, gai góc và lệ thuộc.

Vì vậy, có thể nói, yếu tố tự do thể hiện qua nghệ thuật tạo hình con nghê trong các triều đại phong kiến Việt Nam là sự tự do về nghệ thuật gần như tuyệt đối. Ngoài sự tự do về ý tưởng, các nghệ nhân dân gian còn được tự do sáng tạo. Với sự tự do tuyệt đối, các nghệ nhân dân gian có thể tùy ý tạo nên những con nghê với hình thức và màu sắc theo ý tưởng

của riêng mình. Sự tùy ý này đã đưa con nghệ đến đỉnh cao của sự sáng tạo trong nền nghệ thuật dân gian Việt Nam.

Là một linh thú hư cấu, con nghệ tích hợp các yếu tố từ nghệ thuật dân gian đến nghệ thuật cung đình, từ nghệ thuật bản địa đến nghệ thuật ngoại nhập. Các yếu tố văn hóa từ Trung Hoa, Ấn Độ, Chiêm Thành, Xiêm La, Chân Lạp, Ai Lao thông qua các linh thú khác được các nghệ nhân tích hợp lại qua trí tưởng tượng của họ để biến thành những linh thú mới mang dấu ấn nghệ thuật của riêng họ. Đáng tiếc là, người Việt không có thói quen ghi tên mình hoặc các thông tin có liên quan lên tác phẩm, nên những kiệt tác mà chúng ta được chiêm ngưỡng ngày nay đều không có một thông tin nào về tác phẩm và tác giả của chúng<sup>16</sup>.

Với vô số tác phẩm, tác giả và cách thức biểu hiện, nhưng biểu tượng con nghệ vẫn có những đặc tính riêng khiến chúng ta không thể nhầm với một số linh thú khác như con chó và con sư tử. Vậy điều gì khiến cho con nghệ có được đặc tính như vậy? Câu trả lời là tính biểu tượng trong nghệ thuật<sup>17</sup>. Có thể nói, nếu tính tự do trong nghệ thuật giúp cho biểu tượng con nghệ đạt đến đỉnh cao của sự sáng tạo, thì tính biểu tượng trong nghệ thuật lại là yếu tố giúp cho linh thú này xác định được đặc tính là tính bản địa. Chính đặc tính này là cơ sở để các nhà chuyên môn cũng các cơ quan quản lý khẳng định bản sắc văn hóa Việt Nam qua biểu tượng con nghệ trong cuộc chiến con nghệ - con sư tử đang diễn ra hiện nay.

Vừa qua, Cục Mỹ thuật - Nhiếp ảnh và Triển lãm, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch đã ban hành văn bản 2662/BVHTTDL-MTNATL cảnh báo về sự xâm lăng của các yếu tố văn hóa ngoại lai không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam. Trên *VOV online* ngày 9/12/2013, ông Trương Minh Tiến, Phó Giám đốc Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch Hà Nội cho biết, thời gian tới, Sở sẽ tiến hành kiểm kê di tích trên toàn bộ địa bàn. Đặc biệt, Sở sẽ kiên quyết loại bỏ những hiện vật như đèn lồng, sư tử đá kiểu Trung Quốc... ra khỏi các di tích<sup>18</sup>. Điều này cho thấy, vấn đề nhảm lẫn giữa con nghệ và con sư tử hiện nay không phải là một sự vô tình, một vấn đề đơn giản, mà thực sự là một cuộc chiến. Đây là cuộc chiến giữa sự hiểu biết và thiếu hiểu biết, giữa bản sắc văn hóa và chủ nghĩa lai căng, v.v...

Mặc dù con nghệ của người Việt nằm trong tay phần chính nghĩa, nhưng cuộc chiến này không hề dễ dàng kết thúc. Bởi vì, con sư tử Trung Quốc được các nhà tài trợ với sức mạnh vô hình, với những khoản đầu tư

vô tận, nên có sức mạnh kinh tế vô địch. Trong khi đó, những con nghê mang trong mình giá trị lịch sử, văn hóa và nghệ thuật vô giá, nhưng dường như lại nhận được một sự ứng xử vô ý của người dân. Rõ ràng, cuộc chiến không cân sức giữa con nghê và con sư tử đòi hỏi các nhà quản lý phải có tầm nhìn đủ xa cũng như sự hiểu biết đủ rộng để có định hướng đúng đắn. Văn bản của Cục Mỹ thuật - Nhiếp ảnh và Triển lãm mới đây cho thấy quyết tâm của cơ quan quản lý với cuộc chiến dài hơi này<sup>19</sup>.

Có thể thấy, tồn tại qua hàng nghìn năm với bao thăng trầm của lịch sử, nhưng con nghê vẫn phát triển, trở nên một linh thú biểu tượng đặc trưng trong văn hóa Việt Nam. Điều này do những giá trị tự thân của con nghê. Nhưng cũng phải nói thêm rằng, trong quá khứ, người Hán chưa đếm xỉa đến một con vật hạ đẳng như con nghê trong suốt quá trình Hán hóa hàng nghìn năm của họ. Dường như họ chỉ đặt nặng sự đối phó quân sự với người Việt. Giờ đây, dường như họ đã nhận ra sức sống mãnh liệt của văn hóa Việt Nam, nên đã và đang bắt đầu một quá trình hủy diệt văn hóa mới từ những linh thú bình thường như con nghê. Nếu điều này là có thật thì nguy cơ người Việt bị diệt chủng như người Mãn là có thể xảy ra, vì những thành tố văn hóa của người Việt lại bị hủy hoại bằng chính bàn tay người Việt. Điều này còn nguy hiểm hơn cả mật lệnh của Minh Thành Tổ gửi Tổng binh Chu Năng: “Một khi binh lính vào nước Nam, trừ các sách kinh và bản in của đạo Phật, đạo Lão thì không thiêu hủy; ngoài ra hết thảy mọi sách vở văn tự, cho đến cả những loại ca lý dân gian, hay sách dạy trẻ, như loại sách có câu “Thượng đại nhân, khuru ất dĩ” một mảnh một chữ đều phải đốt hết. Khắp trong nước phạm những bia do Trung Quốc dựng từ xưa đến nay đều giữ gìn cẩn thận, còn các bia do An Nam dựng thì phá sạch hết thảy, một mảnh một chữ chớ để còn”<sup>20</sup>.

### **5. Kết luận**

Nghiên cứu biểu tượng con nghê trong văn hóa Việt Nam, chúng tôi tạm đi đến một số kết luận bước đầu như sau: Con nghê là một linh thú thuần Việt, nhưng có sự tiếp thu một số thành tố văn hóa từ Trung Hoa và Ấn Độ; là một linh thú hư cấu được kết hợp bởi con chó, con kỳ lân, con sư tử cùng nhiều linh thú khác hiện có hoặc từng có trong văn hóa Việt Nam. Biểu tượng con nghê không chỉ là một tập hợp các giá trị lịch sử và văn hóa, mà còn là nơi bảo lưu các giá trị nghệ thuật trong truyền thống của người Việt. Để phân biệt biểu tượng con nghê trong văn hóa Việt Nam,

chúng ta có thể sử dụng các biện pháp phân loại như: hình thức biểu hiện, vị trí đặt, chức năng sử dụng, giai đoạn lịch sử, khu vực địa lý.

Mặc dù là một linh thú mang trong mình những giá trị đặc sắc của văn hóa truyền thống, nhưng việc nhìn nhận về con con nghê ở Việt Nam hiện nay vẫn chưa được chú ý đúng mức. Sự thiếu quan tâm này đã khiến cho biểu tượng con nghê đang bị thất thế trước một biểu tượng ngoại nhập là con sư tử Trung Hoa. Vì vậy, sự tăng cường hiểu biết đối với các giá trị, đặc biệt là giá trị nghệ thuật, của con nghê là hết sức cần thiết. Mong rằng, các cơ quan, ban ngành chức năng, các bậc thức giả, các nhà quản lý đặt mối quan tâm đặc biệt đối với biểu tượng linh thú này, coi đó như là một cách giải Hán hay thoát Trung đang được bàn luận sôi nổi trong thời gian gần đây./.

---

### CHÚ THÍCH:

- 1 Chúng tôi đang tìm hiểu xem “ly” có phải là tên gọi tắt của “ly vãn”/ “xi vãn” (một trong số chín con của rồng du nhập vào Việt Nam từ văn hóa Trung Hoa) hay không. Cho tới nay, chúng tôi chưa tìm thấy một nghiên cứu hoặc tư liệu có liên quan nào ở Việt Nam đề cập đến vấn đề này. Trong văn hóa Phương Tây có một linh thú dạng này gọi là unicorn, thường dịch là kỳ lân.
- 2 Nếu coi là một dạng biến đổi từ con lân, thì việc con nghê xuất hiện từ thời Lý là có thể chấp nhận. Nhưng chúng ta chưa thể khẳng định một cách chắc chắn rằng các linh thú đó chính là con nghê.
- 3 Theo thuyết long sinh cửu tử trong văn hóa Trung Hoa, toan nghê là linh thú có mình sư tử, đầu rồng, thích sự tĩnh lặng và ngắm cảnh hương khói. Vì vậy, toan nghê được đúc làm vật trang trí trên các lò đốt trầm hương.
- 4 Hình thức Việt hóa ngôn ngữ ngoại nhập bằng những từ ngắn gọn hơn là một đặc tính khá phổ biến trong văn hóa Việt Nam. Chẳng hạn, vải chê từ sợi nilon được gọi là vải lon; từ kios/ cửa hàng biến thành ốt trong tiếng Việt; ngành học về phân tích tâm lý biến thành phân tâm trong tiếng Việt, v.v... Điều này có thể xảy ra giống như trường hợp rahu/ la hầu biến thành hồ phù.
- 5 Trần Hậu Yên Thế (2011), “Nhận thức tính phổ quát liên văn hóa trong mỹ thuật cổ truyền qua ví dụ hình tượng con nghê ở đền miếu”, *Nghiên cứu Mỹ thuật*, số 4: 8.
- 6 Loại cột kinh này cũng được tìm thấy trong văn hóa Việt Nam từ giai đoạn Đinh - Tiền Lê.
- 7 Bùi Ngọc Tuấn (2013), “Con nghê: một biểu tượng tạo hình thuần Việt”, <http://hcmufa.edu.vn/tap-chi/thong-tin-my-thuat-so-15-16/con-nghe-mot-bieu-tuong-tao-hinh-thuan-viet/>
- 8 Trong tiếng Hán có hai chữ chỉ con chó, một là cẩu, hai là khuyển. Đại bộ phận thành ngữ Việt Nam có hai từ cẩu và khuyển có ý nghĩa tệ hại. Xem: Trần Hậu Yên Thế (2011), “Nhận thức tính phổ quát liên văn hóa trong mỹ thuật cổ truyền qua ví dụ hình tượng con nghê ở đền miếu”, bđd: 13.
- 9 Hoàng Phê chủ biên (1998), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học: 140.

- 10 Trần Hậu Yên Thế (2014), “Vị thế của hình tượng sư tử trong mỹ thuật Đại Việt”, *Mỹ thuật Nhiếp ảnh*, số 5.
- 11 Mỹ Trà, “Kiên quyết loại bỏ yếu tố ngoại lai ra khỏi di tích Việt”, *VOV online* ngày 9/12/2013, <http://vov.vn/van-hoa/kien-quyet-loai-bo-yeu-to-ngoai-lai-ra-khoi-di-tich-viet-296001.vov>
- 12 Tên gọi chim lạc cũng có nhiều vấn đề đang tranh cãi. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này trong một chuyên khảo dành riêng cho con hạc trong văn hóa Việt Nam.
- 13 Nhiều nhà nghiên cứu đã gán con giao long hay con thuồng luồng là thủy tổ của con rồng hiện tại và linh thú có sừng ở hang Đồng Nội là vật tổ của người Việt. Xem thêm: Đình Hồng Hải, Bùi Huy Vọng (2014), “Biểu tượng người có sừng ở hang Đồng Nội qua tiếp cận khảo cổ học nhân văn”, *Thông tin Khoa học*, số 2, Trung tâm Nghiên cứu Hoàng thành Thăng Long.
- 14 Các cuốn sách viết về mỹ thuật từ thời Lý đến thời Nguyễn hầu như không đề cập đến con nghê, trong khi con rồng được phân tích, mô tả hết sức kỹ lưỡng.
- 15 Trích trong *Diên Hựu Tự (延祐寺)* của Tam tổ Trúc Lâm - Thiền sư Huyền Quang (1254 - 1334), xem: Trần Trọng Dương, “Xi vẫn - Xi vỹ: những xu hướng biến đổi hình tượng trong văn hóa Việt Nam và Đông Á”, trong *Biểu tượng rồng Việt Nam trên cơ tầng văn hóa Châu Á*, Đề tài mã số VIII.1.3-2012.01 do Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) tài trợ năm 2014.
- 16 Một trong những sản phẩm hiếm hoi là chiếc bình hoa lam của gốm Chu Đậu thế kỷ XVI được một nghệ nhân họ Bùi ghi lại, hiện đang trưng bày tại Thổ Nhĩ Kỳ, đã nâng tầm giá trị của chiếc bình lên hàng triệu USD.
- 17 Xem thêm: Đình Hồng Hải (2014), “Tính biểu tượng trong nghệ thuật”, *Mỹ thuật Ứng dụng*, số 1.
- 18 Mỹ Trà, “Kiên quyết loại bỏ yếu tố ngoại lai ra khỏi di tích Việt”, *VOV online* ngày 9/12/2013, bdd.
- 19 Công văn số 2662/BVHTTDL-MTNATL của Cục Mỹ thuật - Nhiếp ảnh và Triển lãm ra ngày 8/8/2014.
- 20 Sắc chi bí mật, ban bố 10 điều cho quân lính tuân theo, đề ngày 8 tháng 7 năm Vĩnh Lạc thứ 4 (21/8/1406) theo bản lưu trữ tại Thư viện Viện Thông tin Khoa học xã hội: 1731/I. Trong bản *Việt kiều thư* do Tề Lễ thư xã xuất bản thì không đề ngày, nhưng xếp thứ tự ở giữa hai đạo sắc ban bố ngày 4/7/1406 và ngày 29/7/1406). *Việt kiều thư*, quyển 2, tờ 26a - b. Nguyên văn: 兵入。除釋道經板經文不燬。外一切書板文字以至俚俗童蒙所習。如上大人丘乙己之類。片紙隻字悉皆燬之。其境內中國所立碑刻則存之。但是安南所立者悉壞之。一字不存 (*Binh nhập, trừ Thích, Đạo kinh bản kinh văn bất hủy. Ngoài nhất thiết thư bản văn tự dĩ chí lý tục đồng mông sở tập, như “Thượng đại nhân, Khuu át dĩ” chi loại, phiến chi chích tự tất giai hủy chi. Kỳ cảnh nội Trung Quốc sở lập bi khắc tắc tồn chi. Đãn thị An Nam sở lập giả tất hoại chi, nhất tự bất tồn*). Dẫn theo: Nguyễn Huệ Chi (2013), “Tiêu diệt tận gốc văn hóa Việt Nam: thủ đoạn của Minh Thành Tổ trong cuộc chiến tranh xâm lược 1406-1407”, *Văn hóa Nghệ An*, <http://www.vanhoanghean.com.vn/goc-nhin-van-hoa3/nh%E1%BB%AFng-g%C3%B3c-nh%C3%ACn-v%C4%83n-h%C3%B3a/tieu-diet-tan-goc-van-hoa-viet-nam-thu-doan-cua-minh-thanh-to-trong-cuoc-chien-tranh-xam-luoc-1406-1407>.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Nguyễn Huệ Chi (2013), “Tiêu diệt tận gốc văn hóa Việt Nam: thủ đoạn của Minh Thành Tổ trong cuộc chiến xâm lược 1406-1407,” *Văn hóa Nghệ An*, số tháng 9.
2. Trần Trọng Dương (2014), “Xi vãn - Xi vỹ: những xu hướng biến đổi hình tượng trong văn hóa Việt Nam và Đông Á”, trong *Biểu tượng rồng Việt Nam trên cơ tầng văn hóa Châu Á*, Đề tài mã số VIII.1.3-2012.01.
3. Đinh Hồng Hải (2012), *Những biểu tượng đặc trưng trong văn hóa truyền thống Việt Nam*, tập 1, Nxb. Tri thức.
4. Đinh Hồng Hải (2014), “Tính biểu tượng trong nghệ thuật”, *Mỹ thuật Ứng dụng*, số 1.
5. Đinh Hồng Hải, Bùi Huy Vọng (2014), “Biểu tượng người có sừng ở hang Đồng Nội qua tiếp cận khảo cổ học nhân văn”, *Thông tin Khoa học*, số 2, Trung tâm Nghiên cứu Hoàng thành Thăng Long.
6. Hoàng Phê chủ biên (1998), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học.
7. Trần Hậu Yên Thế (2011), “Nhận thức tính phổ quát liên văn hóa trong mỹ thuật cổ truyền qua ví dụ hình tượng con nghê ở đền miếu”, *Nghiên cứu Mỹ thuật*, số 4.
8. Trần Hậu Yên Thế (2014), “Vị thế của hình tượng sư tử trong mỹ thuật Đại Việt”, *Mỹ thuật Nhiếp ảnh*, số 5.
9. Mỹ Trà (2013), “Kiên quyết loại bỏ yếu tố ngoại lai ra khỏi di tích Việt”, *VOV online ngày 9/12/2013*, <http://vov.vn/van-hoa/kien-quyet-loai-bo-yeu-to-ngoai-lai-ra-khoi-di-tich-viet-296001.vov>.
10. Bùi Ngọc Tuấn (2013), “Con nghê: một biểu tượng tạo hình thuần Việt”, <http://hcmufa.edu.vn/tap-chi/thong-tin-my-thuat-so-15-16/con-nghe-mot-bieu-tuong-tao-hinh-thuan-viet/>

**Abstract****THE SYMBOL OF “CON NGHÊ” IN VIETNAMESE CULTURE**

According to the Vietnamese traditional culture, beside dragon, there was a holy animal that was “Con nghê” but the understanding of it is still ambiguous. The dragon was a symbol of the Court, “Con nghê” was a holy animal in folklore and in royal culture. Thus, “Con Nghê” was a sacred animal in folklore that affected the royal culture or in contrast? We have to research the sacred animal’s origin in order to answer this question. However, it is not a facile work because “con nghê” is not a real animal as a turtle or a tiger and is not the imported holy animal as tí-xiu (tỳ hưu) or lion, either. “Con nghê” is even equated with “con lân”, “con lân mã”, “con long mã”, “con ly”. These holy animals are relatively common in Vietnamese culture, but it is difficult to identify them because their creation is complex and confused. This complexity leads to a confusion of their names. This text mentions the homogeneity and the difference between these holy animals and “con nghê” in Vietnamese culture.

**Keywords:** “Con nghê”, holy animals, Vietnamese culture.